

**TÒA ÁN N DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DSST  
Ngày 25/10/2019  
V/v “*Tranh chấp bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài  
sản bị xâm phạm*”

**N DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An Nhiên

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Bùi Trọng Vũ
2. Bà Trần Thị Bích Thoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết - Thư ký toà án N dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Sông Cầu:** Ông Huỳnh Văn Dương, kiểm sát viên

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở toà án N dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị A** – sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền A nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Phi B** – sinh năm 1954; địa chỉ: 36 Trần E, phường 2, thành phố O, tỉnh Phú Yên. Có mặt

\* *Các bị đơn:*

1. Ông **Võ Văn T** – sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ông **Võ Văn N** – sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn G** – sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Chị **Nguyễn Thị P** – sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

\* *Người làm chứng:* Ông **Lê Văn K** - sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Hòa L, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2018, tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị A và người được ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Phi B cùng trình bày:*

Vào cuối tháng 10/2016, gia đình bà Lê Thị A tập kết vật liệu xây dựng tại thửa đất có nền nhà cũ A bà nội bà A là bà Nguyễn Thị X để xây dựng lại ngôi nhà mới. Thửa đất này đã được bà X kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/11/1996 và có nhà ở ổn định. Năm 1997, bà X mất, bà A là cháu nội tiếp tục cai quản ngôi nhà. Ngôi nhà xây dựng lâu đời bị xuống cấp nặng, bị sụp đổ trong mùa mưa bão cuối năm 1999.

Từ sau năm 1999 đến cuối tháng 10/2016, gia đình bà Lê Thị A liên tục sử dụng trên thửa đất A bà nội Nguyễn Thị X để lại, không một ai tranh chấp.

Sau cuối tháng 10/2016, gia đình ông Võ Văn T liên tục có hành vi cản trở việc xây dựng nhà ở A gia đình bà A. Năm 2015 bà Lê Thị A, anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị P mua cây trên Gia Lai dự trù để năm 2016 xây nhà nhưng vì ông T, ông N cản trở việc xây nhà của bà A nên số cây bà mua về để dầm mưa, nắng nên bị mục, bà A không thể cung cấp họ tên cũng như địa chỉ bà mua cây vì toàn người lạ và ở xa. Vì ông T, ông N cản trở nên xi măng và gạch bà mua về không xây được, xi măng bị chết và gạch đóng rêu, ngâm nước

Việc cản trở này đã gây thiệt hại về vật liệu xây dựng với giá trị tài sản là 23.340.000 đồng. Trong đó: tiền cây trị giá 6.000.000 đồng, tiền gạch 06 lỗ trị giá 9.400.000 đồng, tiền 01 xe đất xây trị giá 600.000 đồng, 01 xe đá 1x2 trị giá 800.000 đồng, 50 bao xi măng trị giá 3.500.000 đồng, đá chẻ bị thất thoát 80 viên trị giá 440.000 đồng.

Số tiền mua vật liệu xây dựng gồm tiền cây, tiền gạch, tiền đất, tiền đá, xi măng nêu trên là tiền của vợ chồng bà A, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị P không liên quan đến ai khác

Bà yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn T và Võ Văn N phải bồi thường thiệt

hại về tài sản bị xâm phạm cho bà số tiền 23.340.000 đồng vì có hành vi cản trở trái pháp luật theo Điều 26 Luật đất đai năm 2013.

*Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn T và ông Võ Văn N vắng mặt không có lời trình bày, nhưng tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 27/3/2019 bị đơn ông T và ông N thống nhất trình bày:*

Ông N và ông T không đồng ý về yêu cầu của bà Lê Thị A yêu cầu Tòa án buộc các ông phải bồi thường cho bà A số tiền 23.340.000 đồng. Bà A cho rằng các ông làm thiệt hại vật liệu xây dựng của bà A do việc cản trở bà A xây dựng nhà trên diện tích đang đất tranh chấp với các ông là không đúng. Ông N, ông T hoàn toàn không đụng tới vật liệu xây dựng của bà A. Hiện nay nhà bà A đã hình thành để ở rồi, năm 2016 bà A đổ đất đá để xây nhà, các ông đã nhờ chính quyền địa phương xã Xuân Cảnh can thiệp để giải quyết chứ các ông không làm gì đụng đến vật liệu xây dựng của bà A, không đập phá tài sản A bà nên ông N và ông T không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà A.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B trình bày:* Ông B, chị P, anh G thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị A và đại diện theo ủy quyền A nguyên đơn ông Nguyễn Phi B. Đề nghị ông Võ Văn T và Võ Văn N bồi thường thiệt hại cho bà A tổng số tiền 23.340.000 đồng

*Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng ông Lê Văn K nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019, ông K trình bày:*

Ông K là sui gia của bà Lê Thị A, vì ông K được tuổi nên khi xây nhà vợ chồng bà Lê Thị A có nói ông K đứng tên để xây ngôi nhà mà theo ông K được biết hiện đang xây dựng trên diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng bà A và ông Võ Văn T, tọa lạc tại Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Lúc đó ông K có thấy gia đình bà A mua vật liệu xây dựng: cây, đồ đất, đá, gạch, xi măng về để chuẩn bị xây nhà, số lượng bao nhiêu thì ông không biết vì ông K chỉ đứng tuổi để xây thôi chứ không trực tiếp xây và cũng không đi mua vật liệu xây dựng. Sau khi xuống móng xong, tự nhiên đình lại cả năm trời không xây tiếp, nguyên N tại sao ông K không biết, việc đó là việc của vợ chồng bà A. Ngoài ra, ông K không biết gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ mọi thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn ông Võ Văn T và Võ Văn N được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T và N.

**[2] Về Thẩm quyền:** Nguyên đơn bà Lê Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và Võ Văn N có hộ khẩu thường trú tại Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên phải bồi thường thiệt hại cho bà A do tài sản bị xâm phạm. Nguyên, bị đơn đều cư trú tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 A Bộ luật tố tụng dân sự 2015, là vụ án “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” thuộc thẩm quyền giải quyết A Tòa án N dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**[3] Về nội dung:** Bà Lê Thị A yêu cầu buộc ông Võ Văn T và Võ Văn N phải bồi thường thiệt hại cho bà do thiệt hại tài sản bị xâm phạm với số tiền 23.340.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xác minh tại UBND xã Xuân Cảnh cho thấy: Năm 2016, gia đình bà Lê Thị A tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Võ Văn T nên UBND xã Xuân Cảnh có lập biên bản yêu cầu đình chỉ việc xây dựng đối với việc gia đình bà Lê Thị A chõr đất đá, xi măng đổ xây dựng ngôi nhà trên diện tích đất đang tranh chấp với ông Võ Văn T tọa lạc tại Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Sau khi UBND xã lập biên bản và yêu cầu gia đình bà A dừng lại việc xây dựng ngôi nhà thì gia đình bà Lê Thị A dừng việc thi B xây dựng nhà. Thời gian đó gia đình bà Lê Thị A có phát sinh đơn khởi kiện tranh chấp đất đai tại tòa án N dân thị xã Sông Cầu và UBND xã Xuân Cảnh có đơn A ông Võ Văn T yêu cầu can thiệp không cho gia đình bà A xây dựng trên diện tích đất đang tranh chấp nên địa phương phối hợp lập biên bản đề nghị dừng thi B đối với ngôi nhà gia đình bà A. Khi xây dựng, gia đình bà Lê Thị A không xin phép địa phương và không có giấy phép xây dựng. UBND xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên không ra bất cứ Quyết định

đình chỉ xây dựng nào đối với việc thi B ngôi nhà năm 2016. Khi đó không thấy xảy ra xô xát giữa gia đình bà A với ông Võ Văn T, ông Võ Văn N và ông N, ông T không có hành vi gì đập phá việc thi B xây dựng ngôi nhà gia đình bà A. Đến năm 2018, con gái bà A là chị Nguyễn Thị P có giấy tờ quyền sử dụng đất hợp pháp và chị P làm thủ tục xin cấp phép xây dựng đối với việc xây dựng ngôi nhà trên diện tích đất tọa lạc tại Thôn Hòa Z, xã Xuân M, thị xã C, tỉnh Phú nên được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên đã cấp giấy phép xây dựng số 118/GPXD ngày 27/4/2018 cho bà Nguyễn Thị P. Sau đó, gia đình bà A tiếp tục xây dựng thành ngôi nhà cấp 4.

Thực tế chứng minh, năm 2016 việc yêu cầu dừng xây dựng nhà của gia đình bà A là do bà A và các con bà A chưa có giấy phép xây dựng và chưa được cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng, nên UBND xã Xuân Cảnh đề nghị dừng việc thi B. Sau khi dừng việc thi B xây dựng nhà thì gia đình bà A có trách nhiệm quản lý và cất giữ tài sản A bà bao gồm: cây, gạch 06 lỗ, đất xây, đá, xi măng, đá chẻ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị A và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho việc ông Võ Văn T, ông Võ Văn N đã cản trở việc xây dựng nhà của bà A nên dẫn đến việc hư hỏng vật liệu xây dựng mà vợ chồng bà A, chị P, anh G mua để chuẩn bị cho việc xây dựng nhà. Bà A không cung cấp tài liệu, giấy tờ chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra và không có biên bản xảy ra thiệt hại, đồng thời, bà A khẳng định ông N, ông T không có hành vi đập phá vật liệu xây dựng của bà, mà ông N, ông T chỉ báo cáo chính quyền địa phương để yêu cầu dừng thi B vì đang tranh chấp đất đai với bà. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa hỏi sơ tư pháp đối với hành vi cản trở trái pháp luật theo quy định tại Điều 26 Luật đất đai 2013 cụ thể như thế nào. Đối với yêu cầu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không thuộc thẩm quyền của Sở tư pháp và Điều 26 Luật đất đai 2013 cũng không có quy định nào về hành vi cản trở trái pháp luật.

Vì vậy, với những căn cứ nêu trên chưa có cơ sở xác định do ông Võ Văn T và ông Võ Văn N cản trở việc xây dựng gây thiệt hại về vật liệu xây dựng cho nguyên đơn bà Lê Thị A, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 23.340.000 đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ. Do đó, HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A.

**[4] Về án phí:** Nguyên đơn bà Lê Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bị bác:  $23.340.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.167.000 \text{ đồng}$

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Căn cứ vào Điều 584, 585, 588 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 273 A Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A.

**Về án phí:** Bà Lê Thị A phải chịu số tiền 1.167.000 đồng (*Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) về phần yêu cầu bị bác, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 583.500 đồng (*Năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số AA/2015/0006649 ngày 16 tháng 10 năm 2018 A Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, bà A còn phải nộp số tiền 583.500 đồng (*Năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị An Nhiên**

